

2.2.2. Về kỹ năng

- Hình thành và rèn luyện kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non phù hợp với thực tế đặc điểm của địa phương, trường, lớp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm để thực hành các hoạt động, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp.

2.2.3. Về thái độ

- Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của giáo viên trong công tác xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non

- Giáo dục lòng yêu nghề, yêu trẻ, tâm huyết với nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục.
CLO2	Nắm được quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non
CLO3	Vận dụng kiến thức vào việc thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.
CLO4	Có kỹ năng thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non; Kỹ năng làm việc theo nhóm để thực hành các hoạt động, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
CLO5	Giáo dục cho sinh viên có thái độ đúng đắn, khoa học về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, từ đó rèn luyện nhân cách cho bản thân, phù hợp với nghề nghiệp lựa chọn.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	M	M	R	R	R	R	R	R
CLO 2	R	M	M	M	R	R	R	R	R	R

CLO 3	R	R	M	M	R	R	R	R	R	R
CLO 4	R	R	M	M	R	R	R	R	R	R
CLO 5	R	M	M	M	R	R	R	R	M	M
Tổng hợp học phần	R	M	M	M	M	R	R	R	R	R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá theo tiêu chí sau: - Tham gia học tập trên lớp đầy đủ. - Chuẩn bị bài đầy đủ - Tham gia các hoạt động trong giờ học - Tích cực thảo luận, thực hành - Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV 	100%	X	CLO5	<p>Điểm danh</p> <p>Quan sát, theo dõi</p> <p>Theo Rubric 1</p>
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	20%	<p>A2.1: Tuần 5 - 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung - Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non 	50%		CLO1 CLO2	Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm
		<p>A2.2: - Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.</p>	50%		CLO3	

A3. Bài tập (hoặc dự án)	15%	- Vẽ sơ đồ bố trí các góc hoạt động trong lớp mầm non. - Thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non: Hoạt động chung (một giờ học), hoạt động ngoài trời, hoạt động vui chơi ở các góc.	100%	X	CLO2 CLO3 CLO4	Theo Rubric 3
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. - Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.	100%	X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Bài ktra cuối kỳ: Thi viết/Vấn đáp/Thực hành Theo Rubric 5

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/TH/ BT/TL)	CDR của bài học (chương)/chủ đề	Lquan đến CDR nào ở	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
-----------------------------	---	------------------------------	------------------------------------	------------------------------	---	----------------------------	---------------------------

				bảng 1	CDR		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	<p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG</p> <p>1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN</p> <p>1.1.1. Khái niệm môi trường giáo dục</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>1.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường Mầm non</p> <p>1.3. Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>1.3.1. Xác định nội dung và lập sơ đồ</p> <p>1.3.2. Mua sắm, sưu tầm trang thiết bị, tranh ảnh, nguyên vật liệu, phế liệu...</p> <p>1.3.3. Sắp xếp, trang trí</p> <p>1.3.4. Sử dụng môi trường giáo dục</p>	3 3/0/0	- Trình bày được khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc chung và quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non.	CLO1 CLO2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng các tài liệu liên quan - Sử dụng máy tính và projector 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV. 	A2.1
2	<p>1.4. Thực hành: Tham quan thực tế trường mầm non</p> <p>Quan sát môi trường giáo dục cho các hoạt động của trường, lớp mầm non, ghi chép, mô tả lại môi trường giáo dục đó.</p>	4 0/4/0	Giải thích được môi trường giáo dục cho các hoạt động của trường, lớp mầm non.	CLO1	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: quan sát, ghi chép. 	

					tính		
3	Thực hành: Tham quan thực tế trường mầm non Quan sát môi trường giáo dục cho các hoạt động của trường, lớp mầm non, ghi chép, mô tả lại môi trường giáo dục đó.	3 0/3/0	Giải thích được môi trường giáo dục cho các hoạt động của trường, lớp mầm non.	CLO1	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: quan sát, ghi chép.	
4	Thực hành: -Tổ chức thảo luận và rút kinh nghiệm sau khi quan sát thực tế trường mầm non	3 0/3/0	- Kết nối được giữa lý thuyết với thực tiễn - Đưa ra những nhận xét và đề xuất cách thay đổi (điều chỉnh) môi trường giáo dục đó.	CLO1	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV. Viết bài thu hoạch	
5	CHƯƠNG 2. QUY TRÌNH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRONG TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Mục tiêu 2.2. Xây dựng, sử dụng môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động cho trẻ trong các cơ sở GDMN 2.2.1. Môi trường nhà trường 2.2.2. Môi trường trong lớp 2.2.3. Tổ chức hoạt động góc tại các nhóm, lớp 2.3. Định hướng đổi mới trong công tác	3 3/0/0	Trình bày được: - Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non và cách sử dụng môi trường giáo dục. -Cách xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm.	CLO2	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng các tài liệu liên quan - Sử dụng máy tính và projector	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.	A2.2

	<p>xây dựng, khai thác sử dụng môi trường giáo dục và tổ chức hoạt động cho trẻ trong trường mầm non</p> <p>2.4. Hướng dẫn cách xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm</p> <p>2.4.1. Định hướng xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động góc</p> <p>2.4.2. Một số thống nhất trong xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động góc</p>					
6	<p>Thực hành:</p> <p>Vẽ sơ đồ bố trí các góc hoạt động trong trường, lớp mầm non.</p>	4 0/4/0	<p>Thể hiện được cách bố trí các góc hoạt động trong trường, lớp mầm non</p>	CLO3	<p>- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1].</p> <p>- Sử dụng máy tính</p>	<p>- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.</p> <p>Làm bài kiểm tra</p>
7	<p>Thực hành:</p> <p>Thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non: Hoạt động chung (một giờ học).</p>	3 0/3/0	<p>Trình bày được cách thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động chung</p>	CLO4	<p>- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1].</p> <p>- Sử dụng máy tính</p>	<p>- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.</p>
8	<p>Thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho các hoạt động</p>	3	<p>Trình bày được</p>	CLO4	<p>- Đàm thoại gợi</p>	<p>- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung</p>

	trong trường mầm non: hoạt động ngoài trời.	0/3/0	cách thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động ngoài trời		mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	(C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.	
9	Thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho các hoạt động trong trường mầm non: hoạt động vui chơi ở các góc	3 0/3/0	Trình bày được cách thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động vui chơi ở các góc	CLO4	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.	
10	Thực hành: So sánh sự khác biệt giữa các cách lập kế hoạch tổ chức thực hiện chủ đề xuất phát từ trẻ.	3 0/3/0	Trình bày được sự khác biệt giữa các cách lập kế hoạch tổ chức thực hiện chủ đề xuất phát từ trẻ.	CLO3	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.	
11	CHƯƠNG 3. CÁCH THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường	3 3/0/0	Trình bày được: Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động: -Thiết kế môi	CLO2	- Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1].	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời	

	<p>giáo dục cho các hoạt động</p> <p>3.1.1. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho giờ học</p> <p>3.1.2. Hướng dẫn xây dựng môi trường hoạt động ngoài trời</p> <p>3.1.3. Hướng dẫn thiết kế môi trường hoạt động chơi ở các góc</p> <p>3.2. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục</p>		<p>trường học tập cho một giờ học cụ thể</p> <p>-Thiết kế môi trường cho một giờ hoạt động ngoài trời</p> <p>-Thiết kế môi trường cho các góc (theo chủ đề tự chọn).</p> <p>- Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.</p>		<p>- Sử dụng các tài liệu liên quan</p> <p>- Sử dụng máy tính và projector</p>	<p>câu hỏi của GV.</p>	
12	<p>Thực hành: Thiết kế môi trường giáo dục.</p> <p>-Hãy thiết kế môi trường học tập cho một giờ học cụ thể</p>	<p>4 0/4/0</p>	<p>Trình bày được cách thiết kế môi trường học tập cho một giờ học cụ thể</p>	<p>CLO3 CLO4</p>	<p>- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1].</p> <p>- Sử dụng máy tính</p>	<p>- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.</p>	
13	<p>Thực hành:</p> <p>Hãy thiết kế môi trường cho một giờ hoạt động ngoài trời</p>	<p>4 0/4/0</p>	<p>Trình bày được cách thiết kế môi trường cho một giờ hoạt động ngoài trời</p>	<p>CLO3 CLO4</p>	<p>- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1].</p> <p>- Sử dụng máy tính</p>	<p>- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])</p> <p>- Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.</p>	

14	Thực hành: Hãy thiết kế môi trường cho các góc (theo chủ đề tự chọn).	4 0/4/0	Trình bày được cách thiết kế môi trường cho các góc	CLO3 CLO4	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn.	
15	Thực hành: -Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục	4 0/4/0	Trình bày được tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục	CLO3 CLO4	- Đàm thoại gợi mở, phỏng vấn. - GV sử dụng tài liệu [1]. - Sử dụng máy tính	- Chuẩn bị bài ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm việc nhóm, thực hành theo hướng dẫn. Làm bài kiểm tra	
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kỳ		- Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. - Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.			Thi viết/Vấn đáp/Thực hành/Báo cáo tiểu luận - Hoàn thành bài thi	A.4

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lê Thị Vân	2021	Thiết kế và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non	Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Giáo dục & Đào tạo	2017	Chương trình giáo dục mầm non	Nhà xuất bản Giáo dục
3	Nguyễn Ánh Tuyết	2003	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi Mầm non	Nhà xuất bản ĐHSHPN
4	Nguyễn Ánh Tuyết	2010	Giáo dục học mầm non-những vấn đề lý luận và thực tiễn	Nhà xuất bản ĐHSHPN

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường Phòng thực hành	Projector, máy tính cá nhân	1	Chương 1
2	Giảng đường Phòng thực hành	Projector, máy tính cá nhân	1	Chương 2
3	Giảng đường Phòng thực hành	Projector, máy tính cá nhân	1	Chương 3

9. Rubric đánh giá:

9.1. Đánh giá chuyên cần (AttendaceCheck)

* Rubric 1: Chuyên cần (Classtendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao	50%

	tại lớp	học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Phát biểu ít khi có hiệu quả.	bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	
--	---------	--	-------------------------------	--	--	--

9.2. Đánh giá bài tập/ Thực hành (Work Assignment)

* Rubric 3: Bài tập/ Thực hành (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

9.3. Đánh giá thi kết thực học kì

* Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế

* Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam)

Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giống nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

Trưởng khoa

P/T Bộ môn

Người biên soạn

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

ThS. Phạm Thị Yên

Lê Thị Vân

